

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH KIÊN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 62/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 08/8/2022

V/v: "Tranh chấp ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Danh Pì Sách***

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Văn Kiện**;

2. Ông **Nguyễn Thành Thái**.

*- Thư ký phiên tòa: Bà **Lữ Cẩm Nhung**- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.*

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa:
Bà **Phạm Thị Thúy Kiều**- Kiểm sát viên.*

Ngày 08 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 234/2022/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 5 năm 2022 về "*Tranh chấp ly hôn và nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 64/2022/QĐXX-ST, ngày 22 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Thị B**, sinh năm: 1994

Địa chỉ: ấp Thạnh Yên, xã Thạnh L, huyện Châu Thành, Kiên Giang.

(Chị B có mặt tại phiên tòa)

2. Bị đơn: Anh **Danh Ngọc Ch**, sinh năm 1989

Địa chỉ: ấp Thạnh Yên, xã Thạnh L, huyện Châu Thành, Kiên Giang.

(Anh Ch có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ngày 06/5/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị **Thị B** trình bày: Vào năm 2012 chị và anh **Danh Ngọc Ch** tiến đến hôn nhân trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã*

Thanh L, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang. Trong quá trình chung sống có 02 người con chung tên Danh Thị Kim T, sinh ngày 24/9/2012 và Danh Minh Tr, sinh ngày 20/10/2014 hiện con đang sống cùng với vợ chồng chị. Về tài sản chung trong quá trình chung sống vợ chồng chị không có tài sản chung và cũng không có nợ chung.

Hai vợ chồng anh sống với nhau hạnh phúc được thời gian thì vợ chồng chị bắt đầu xảy ra mâu thuẫn và sống ly thân với nhau. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường hay xảy ra cự cãi, không hợp nhau về tính tình, cách sống, cuộc sống vợ chồng không có tiếng nói chung, anh Ch không quan tâm và chăm sóc cho gia đình mà còn thường xuyên uống rượu, mỗi khi say về đánh chị nên chị đã bỏ về nhà cha mẹ ruột sống cho đến nay và cũng từ thời gian đó vợ chồng sống ly thân với nhau đến nay.

Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, hạnh phúc gia đình không đạt nếu tiếp tục chung sống sẽ không còn hạnh phúc.

Tại phiên tòa hôm nay, chị Thị B yêu cầu:

- *Về hôn nhân*: Xin được ly hôn với anh Danh Ngọc Ch;
- *Về việc nuôi con chung*: Đồng ý giao 02 người con chung tên Danh Thị Kim T, sinh ngày 24/9/2012 và Danh Minh Trọng, sinh ngày 20/10/2014 cho anh Ch trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và không cấp dưỡng nuôi con.
- *Về tài sản chung và nợ chung*: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại bản tự khai ngày 01/7/2022; Các biên bản hòa giải 07/7/2022 và ngày 22/7/2022 cũng như trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Danh Ngọc Ch trình bày: Anh thống nhất về hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung như lời trình bày của chị Bích là đúng. Anh thừa nhận trong quá trình chung sống thời gian gần đây vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn và anh có uống rượu về đánh chị Bích vài lần nhưng anh đã xin lỗi nhưng chị Bích không tha thứ, anh xét thấy hiện nay anh còn thương vợ thương con nên không muốn ly hôn với chị B và xin được đoàn tụ hàn gắn và xin hứa sẽ không đánh chị B nữa.

Tại phiên tòa hôm nay, anh Danh Ngọc Ch yêu cầu:

- *Về hôn nhân*: Không đồng ý ly hôn với chị Thị B, xin hàn gắn đoàn tụ.

- *Về việc nuôi con chung*: Yêu cầu chăm sóc nuôi dưỡng 02 người con chung tên Danh Thị Kim T, sinh ngày 24/9/2012 và Danh Minh Trọng, sinh ngày 20/10/2014 và không yêu cầu chị Bích cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát*: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký: Thực hiện đúng quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Thời hạn chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử: vi phạm thời hạn xét xử theo quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Thị B.

NHẬN ĐỊNH:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ và toàn diện chứng cứ, ý kiến của đương sự. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ngày 06/5/2022 chị Bích có đơn khởi kiện xin ly hôn với anh Chiến. Đây là vụ án “Tranh chấp ly hôn và nuôi con” theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2020, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về hôn nhân: Chị B và anh Ch kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Có đăng ký kết hôn năm 2012 tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống anh chị phát sinh mâu thuẫn, theo chị B trình bày nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống giữa hai vợ chồng không phù hợp, thường hay xảy ra cự cãi, cuộc sống vợ chồng không có tiếng nói chung, anh Ch không quan tâm, chăm sóc gia đình và thường xuyên uống rượu về đánh chị nhiều lần và vợ chồng chị hiện nay đã sống ly thân với nhau và vấn đề này cũng được anh Ch thừa nhận, tuy nhiên anh Ch không đồng ý ly hôn và xin hàn gắn để vợ chồng cùng nhau chăm sóc các con đến trưởng thành, tuy nhiên tại phiên tòa chị Bích vẫn cương quyết xin ly hôn với anh Chiến.

Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn giữa chị B và anh Ch đã kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay chị Bích yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị Bích được ly hôn anh Chiến để ổn định cuộc sống. Theo quy định tại Điều 19 của

Luật Hôn nhân và gia đình: "1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. 2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác". Hội đồng xét xử xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa chị Bích và anh Chiến đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.

Vì vậy, yêu cầu của chị B về việc xin ly hôn anh Ch là phù hợp với Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận.

[3] Về quan hệ con chung: Chị B và anh Ch có 02 con chung tên Danh Thị Kim Tuyền, sinh ngày 24/9/2012 và Danh Minh Trọng, sinh ngày 20/10/2014. Trong quá trình giải quyết vụ án chị Bích và anh Chiến yêu cầu Tòa án xem xét theo nguyện vọng của các con nhưng tại phiên tòa chị Bích và anh Chiến thỏa thuận giao 02 con chung cho anh Chiến trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. HĐXX xét thấy việc thỏa thuận này là hoàn toàn tự nguyện đồng thời phù hợp theo nguyện vọng của cháu Tuyền, cháu Trọng nên HĐXX ghi nhận sự tự nguyện này là hoàn toàn phù hợp theo quy định của pháp luật.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, HĐXX đã giải thích cho anh Ch về quyền yêu cầu cấp dưỡng nuôi con cho đến khi đủ 18 tuổi theo quy định của pháp luật, nhưng anh Chiến xác định không yêu cầu và việc không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con là hoàn toàn tự nguyện nên HĐXX miễn xét.

[5] Về tài sản chung: Chị B và anh Ch xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Nếu sau này chị Bích và anh Ch có phát sinh tranh chấp về tài sản chung thì anh chị đều có quyền khởi kiện thành vụ kiện dân sự khác theo quy định pháp luật.

[6] Về nợ chung: chị Bích và anh Chiến cam kết không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX miễn xét.

[7] Xét lời trình bày của đại diện viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị B là nguyên đơn do đó phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Thị B và anh Danh Ngọc Ch.
2. Về con chung: Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của chị Thị B và anh Danh Ngọc Ch giao 02 con chung tên Danh Thị Kim T, sinh ngày 24/9/2012 và Danh Minh Trọng, sinh ngày 20/10/2014 cho anh Chiến tiếp tục nuôi dưỡng (Phù hợp theo nguyện vọng của con). Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.
3. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Danh Ngọc Ch xác nhận không yêu cầu chị Bích cấp dưỡng nên HĐXX không xem xét.
4. Về tài sản chung: Chị Thị B và anh Danh Ngọc Ch xác nhận không có nên yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét.
5. Về nợ chung: Chị Thị B và anh Danh Ngọc Ch cam kết không có, không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét.
6. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Thị Bích phải chịu tiền án phí sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng đã nộp theo biên lai số 0009347 ngày 09 tháng 05 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang. Chị Bích không phải nộp thêm.

“ Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014”.

7. Chị Thị B và anh Danh Ngọc Ch có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Châu Thành;
- THADS huyện Châu Thành;
- UBND xã Bình An;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Danh Pì Sách